TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2020/DS-ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hơn.

2. Ông Nguyễn Văn Hướng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**;

Địa chỉ: phố T, phường T, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Lê Đan P – Phó trưởng Phòng phụ trách khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP S chi nhánh T (theo giấy ủy quyền số 293/UQ-TGĐ ngày 23/10/2018).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố M, tỉnh T.

(Có mặt bà P, vắng mặt ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Lê Đan P trình bày:

Ngày 31/10/2016, ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S (theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế SHB Mastercard ngày 31/10/2016), hạn mức thẻ là 20.000.000 đồng, thời hạn là 3 năm (từ 31/10/2016 đến 31/10/2019), thỏa thuận lãi suất, lãi suất quá hạn và lãi suất cho khoản vượt hạn mức theo thỏa thuận tại thời điểm ký hợp đồng là 18%/năm, lãi suất điều chỉnh qua từng thời kỳ, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Tính đến ngày 20/02/2019, ông T đã thực hiện giao dịch với số tiền là 47.587.100 đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 35.963.644 đồng. Ngày 20/02/2019, khoản nợ của ông T chuyển qua quá hạn.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc yêu cầu ông T thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay ông T vẫn chưa thanh toán tiền vay, tiền lãi cho ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền 22.809.396 đồng (trong đó nợ gốc là 17.888.950 đồng, nợ lãi là 4.250.446 đồng và phí phạt chậm trả là 670.000 đồng, tạm tính đến ngày 20/8/2019) và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/8/2019 cho đến khi trả hết nợ. Thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, bà Trần Lê Đan P trình bày: Yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn vay còn nợ là 17.888.950 đồng, số tiền lãi trong hạn còn nợ là 7.149.326 đồng, lãi vượt hạn mức là 96.525 đồng, phí phạt chậm trả là 1.770.000 đồng, tổng cộng là 26.904.801 đồng (tạm tính đến ngày 28/5/2020) và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 28/5/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập và tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do hai lần tại phiên xét xử nên đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S căn cứ vào đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế SHB Mastercard ngày 31/10/2016 để khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vốn và lãi còn nợ. Ông T vay tiền với mục đích tiêu

dùng cá nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 16 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại đường T, phường B, thành phố M, tỉnh T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Văn T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*: Xét thấy ngày 31/10/2016, ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S (theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế SHB Mastercard ngày 31/10/2016), hạn mức thẻ là 20.000.000 đồng, thời hạn là 3 năm (từ 31/10/2016 đến 31/10/2019),hai bên đã thỏa thuận về mức lãi suất và các khoản phí, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Tính đến này 20/02/2019, ông T chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 35.963.644 đồng nên khoản nợ của ông còn lại chuyển qua nợ quá hạn. Ngân hàng có nhiều lần đốc thúc ông T trả tiền, nhưng ông T không thực hiện mà cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ. Như vậy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hợp đồng có đầy đủ chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Văn T. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì ông T phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền đã vay hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho Ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, đối chất về số tiền đã vay, đã thanh toán và không có ý kiến phản đối về chữ ký, chữ viết họ tên và số tiền nợ Ngân hàng nên xem như mặc nhiên thừa nhận số nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế SHB Mastercard ngày 31/10/2016 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng theo quy định tại Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Quan điểm và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn vay còn nợ là 17.888.950 đồng, số tiền lãi trong hạn còn nợ là 7.149.326 đồng, lãi vượt hạn mức là 96.525 đồng và phí phạt chậm trả là 1.770.000 đồng, tổng cộng là 26.904.801 đồng (tạm tính đến ngày 28/5/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 1.345.240 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 570.235 đồng theo biên lai thu tiền số 0000761 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni